

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6113  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

*(Môn thi: Toán học chuyên)*

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100007	NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	29/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61100010	NGUYỄN THÚY AN	Nữ	09/10/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
3	61100011	NGUYỄN VŨ KHÁNH AN	Nữ	02/11/2011	Trường TH & THCS Quỳnh Trang	0	0
4	61100013	PHẠM THUY AN	Nữ	17/03/2011	THCS Vũ Thư	0	0
5	61100014	TRẦN THỊ BAO AN	Nữ	14/09/2011	Trường THCS Vũ Phúc	0	0
6	61100015	BÙI ĐỨC ANH	Nam	10/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61100016	BÙI ĐỨC ANH	Nam	30/12/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
8	61100025	ĐINH THỊ TRUNG ANH	Nữ	16/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
9	61100027	ĐỖ LÊ ANH	Nam	06/08/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
10	61100028	HOÀNG ĐỨC ANH	Nam	10/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61100032	MAI ĐỨC ANH	Nam	27/04/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
12	61100039	NGUYỄN ĐỨC TUẤN ANH	Nam	23/03/2011	Trường Tiểu học và THCS Vũ An	0	0
13	61100043	NGUYỄN LƯƠNG HẢI ANH	Nữ	14/05/2011	THCS Tây Sơn	0	0
14	61100049	NGUYỄN THỊ THẢO ANH	Nữ	28/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61100052	PHẠM ĐỨC ANH	Nam	22/02/2011	THCS An Ninh	0	0
16	61100061	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	31/01/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
17	61100067	TRẦN HẢI ANH	Nữ	17/04/2011	THCS 14-10	0	0
18	61100076	VŨ PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	23/02/2011	Trường THCS Đông Mỹ	0	0
19	61100080	LÊU THỊ NGỌC ANH	Nữ	22/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61100081	TẠ NGỌC ANH	Nữ	26/05/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
21	61100086	BÙI QUỐC BẢO	Nam	12/01/2011	THCS 14-10	0	0
22	61100088	LÊ VĂN BẢO	Nam	22/06/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
23	61100095	PHẠM THANH BÌNH	Nam	24/07/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
24	61100099	NGUYỄN TÚ CHÂU	Nữ	13/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

*Danh sách gồm: 24 thí sinh.*

*Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6114  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

*(Môn thi: Toán học chuyên)*

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100100	PHẠM BẢO CHÂU	Nữ	29/06/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Các	0	0
2	61100102	TRẦN MINH CHÂU	Nữ	10/10/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
3	61100103	TRẦN VŨ BẢO CHÂU	Nam	16/06/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
4	61100113	TRẦN KHÁNH CHI	Nữ	18/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
5	61100118	LÊ XUÂN CHINH	Nam	09/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61100120	LÊ VIỆT CƯỜNG	Nam	31/01/2011	Trung học cơ sở Đồng Tiến	0	0
7	61100122	PHẠM NGỌC CƯỜNG	Nam	20/05/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
8	61100124	TRẦN MẠNH CƯỜNG	Nam	20/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
9	61100126	BÙI NGỌC DIỆP	Nữ	23/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
10	61100133	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	28/10/2011	THCS 14-10	0	0
11	61100134	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Nam	24/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61100135	BÙI VĂN DUY	Nam	01/04/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
13	61100139	PHẠM XUÂN KHÁNH DUY	Nam	10/06/2011	THCS Vũ Thư	0	1
14	61100143	NGUYỄN TẤN DƯƠNG	Nam	07/11/2011	THCS 14-10	0	0,5
15	61100145	PHẠM MINH DƯƠNG	Nam	30/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
16	61100147	ĐỖ HẢI ĐĂNG	Nam	15/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61100151	ĐẶNG MINH ĐỨC	Nam	24/01/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Xuyên	0	0
18	61100152	LÊ MINH ĐỨC	Nam	13/08/2011	Trường THCS Phúc Khánh	0	0
19	61100153	MAI HỒNG ĐỨC	Nam	22/07/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
20	61100154	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	15/07/2011	THCS An Ninh	0	0
21	61100156	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	12/04/2011	Trường TH&THCS Tân Bình	0	1
22	61100157	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	11/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
23	61100158	VŨ MINH ĐỨC	Nam	09/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
24	61100160	VŨ MINH ĐỨC	Nam	27/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

*Danh sách gồm: 24 thí sinh.*

*Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6115  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH

(Môn thi: Toán học chuyên)

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100161	VŨ MINH ĐỨC	Nam	06/07/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
2	61100163	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	28/08/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
3	61100165	MAI HƯƠNG GIANG	Nữ	30/03/2011	Trường THCS Đông La	0	0
4	61100166	NGUYỄN KHÁNH GIANG	Nữ	02/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
5	61100168	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	Nam	18/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61100183	NGUYỄN NGÂN HÀ	Nữ	16/02/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
7	61100189	TRẦN ANH HÀ	Nữ	05/01/2011	THCS Vũ Thư	0	0
8	61100191	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	17/04/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Lâm	0	0
9	61100193	VŨ NGUYỄN NGÂN HÀ	Nữ	31/08/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Các	0	0
10	61100199	ĐỖ NGỌC HẢI	Nam	02/08/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
11	61100204	TRƯƠNG BẢO HÂN	Nữ	26/03/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Động	0	0
12	61100210	PHẠM THỊ THU HIỀN	Nữ	20/07/2011	Trường THCS Trần Lâm	0	0
13	61100212	BÙI VĂN HIỆP	Nam	07/01/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
14	61100214	DƯƠNG MINH HIẾU	Nam	21/08/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
15	61100216	ĐỖ MINH HIẾU	Nam	26/07/2011	Trường TH và THCS Hiệp Hòa	0	0
16	61100220	TRẦN ĐỨC HIẾU	Nam	28/03/2011	THCS Tây Sơn	0	0
17	61100221	TRẦN TRỌNG HIẾU	Nam	10/06/2011	THCS Vũ Thư	0	0
18	61100223	VŨ MINH HIẾU	Nam	15/04/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
19	61100226	NGUYỄN DUY HOÀNG	Nam	28/12/2011	TH và THCS Quỳnh Bảo	0	0
20	61100227	BÙI MẠNH HÙNG	Nam	08/02/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
21	61100228	ĐẶNG MẠNH HÙNG	Nam	01/01/2011	Trường THCS Duy Nhất	0	0
22	61100229	ĐOÀN LÂM HÙNG	Nam	13/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
23	61100232	TRẦN ANH HUY	Nam	24/09/2011	THCS Vũ Thư	0	0
24	61100247	PHẠM ĐÌNH HƯƠNG	Nam	31/01/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6116  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH

(Môn thi: Toán học chuyên)

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100249	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	19/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
2	61100252	BÙI NGỌC KHÁNH	Nữ	17/12/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61100255	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	17/03/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
4	61100259	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nam	10/02/2011	Trường THCS Vũ Chính	0	1
5	61100260	NGUYỄN THI MINH KHÁNH	Nữ	13/04/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
6	61100264	HÀ DUY KHOA	Nam	06/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61100265	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	Nam	22/05/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
8	61100268	NGUYỄN ANH KHÔI	Nam	06/05/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
9	61100269	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	Nam	22/03/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
10	61100274	MAI QUÝ KIẾT	Nam	14/05/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
11	61100277	TRẦN HOA KỶ	Nam	23/04/2011	THCS Vũ Thư	0	0
12	61100278	NGUYỄN THỊ THANH LAM	Nữ	02/11/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Bình Nguyên	0	0
13	61100279	LIÊU MAI LAN	Nữ	05/09/2011	Trường THCS Vũ Đông	0	0
14	61100281	BÙI THANH LÂM	Nam	29/12/2011	THCS Vũ Thư	0	0
15	61100282	NGUYỄN THÀNH LÂM	Nam	29/03/2011	TH và THCS Song An	0	0,5
16	61100283	PHẠM THUY TƯỜNG LÂM	Nữ	10/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61100284	VƯƠNG ĐỨC BẢO LÂM	Nam	05/01/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
18	61100285	PHẠM HẢI LINH	Nam	08/02/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
19	61100292	HOÀNG PHƯƠNG LINH	Nữ	06/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61100294	LẠI GIA LINH	Nữ	04/06/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
21	61100296	LÊ HẢI LINH	Nữ	13/03/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
22	61100298	LƯƠNG KHÁNH LINH	Nữ	04/10/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
23	61100322	TẠ ĐỨC LONG	Nam	31/03/2011	THCS 14-10	0	0
24	61100323	BÙI GIA LỘC	Nam	15/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6117  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

*(Môn thi: Toán học chuyên)*

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100325	ĐÀO DUY LƯƠNG	Nam	29/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61100326	ĐINH THỊ TUYẾT MAI	Nữ	07/02/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Hợp Hưng	0	0
3	61100331	PHẠM THỊ XUÂN MAI	Nữ	18/12/2011	Trường THCS Đông Hòa	0	0
4	61100334	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	26/04/2011	Trường THCS Vũ Chính	0	0
5	61100337	BÙI TUẤN MINH	Nam	25/08/2011	Trường THCS Đông Hòa	0	0
6	61100338	ĐẶNG BÌNH MINH	Nam	08/12/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Phúc Thành	0	0
7	61100346	NGUYỄN ANH MINH	Nam	26/12/2011	THCS Vũ Thư	0	0
8	61100352	NGUYỄN HẢI MINH	Nam	26/07/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
9	61100354	NGUYỄN NGỌC MINH	Nữ	28/07/2011	THCS 14-10	0	0
10	61100357	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	13/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61100358	NGUYỄN VŨ NGỌC MINH	Nam	19/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61100364	TRẦN GIA MINH	Nam	24/06/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
13	61100365	TRẦN LÊ MINH	Nam	14/02/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
14	61100367	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	30/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61100369	VŨ ĐỨC BÌNH MINH	Nam	26/12/2011	THCS 14-10	0	0
16	61100370	VŨ TIỀN MINH	Nam	20/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61100377	VŨ HÀ DIỄM MY	Nữ	30/04/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
18	61100378	BÙI HOÀNG NAM	Nam	11/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
19	61100379	ĐỖ HẢI NAM	Nam	23/12/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
20	61100388	BÙI PHẠM KIM NGÂN	Nữ	26/03/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
21	61100392	TRẦN BẢO NGÂN	Nữ	28/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
22	61100397	TRƯƠNG ĐỨC NGHĨA	Nam	20/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
23	61100399	ĐỖ HOÀNG BẢO NGỌC	Nữ	21/07/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
24	61100400	HOÀNG ĐÀO THẢO NGỌC	Nữ	09/06/2011	Trường THCS Trần Lâm	0	0

*Danh sách gồm: 24 thí sinh.*

*Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6118  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

(Môn thi: Toán học chuyên)

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100411	ĐỖ TRUNG NGUYỄN	Nam	10/04/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
2	61100412	HOÀNG NGUYỄN	Nam	30/08/2011	THCS Tây Sơn	0	0
3	61100416	PHẠM HOÀNG NGUYỄN	Nam	03/06/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
4	61100423	BÙI DUY NHẬT	Nam	21/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
5	61100435	VŨ THỊ YẾN NHI	Nữ	19/05/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
6	61100437	LƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	28/02/2011	THCS Vũ Thư	0	0
7	61100438	ĐỖ TÂM NHƯ	Nữ	06/03/2011	THCS 14-10	0	0
8	61100439	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	17/10/2011	THCS Tây Sơn	0	0
9	61100445	BÙI THANH PHONG	Nam	24/01/2011	THCS 14-10	0	0
10	61100449	VŨ KỶ PHONG	Nam	08/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61100453	VÕ XUÂN PHÚ	Nam	17/04/2011	THCS Vũ Thư	0	0
12	61100456	HOÀNG GIA PHÚC	Nam	28/08/2011	TH và THCS Song An	0	0
13	61100459	MAI ĐỨC PHÚC	Nam	25/06/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
14	61100464	NGUYỄN THÁI PHÚC	Nam	02/10/2011	THCS Vũ Thư	0	0
15	61100466	PHẠM HỒNG PHÚC	Nam	23/01/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
16	61100467	TRẦN ĐÌNH PHÚC	Nam	03/10/2011	THCS Vũ Thư	0	0
17	61100468	VŨ MINH PHÚC	Nam	06/10/2011	THCS 14-10	0	0,5
18	61100487	VŨ MINH QUANG	Nam	12/10/2011	THCS Vũ Thư	0	0
19	61100488	NGUYỄN ĐÀM ĐỨC QUÂN	Nam	07/07/2011	THCS Tây Sơn	0	0
20	61100490	PHẠM THÀNH SANG	Nam	27/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61100491	VŨ MINH SÁNG	Nam	10/10/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
22	61100492	BÙI CAO SƠN	Nam	27/01/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
23	61100494	PHẠM THANH SƠN	Nam	02/01/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Phúc Thành	0	0
24	61100496	TỔNG MINH TÂM	Nam	05/05/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6119  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

*(Môn thi: Toán học chuyên)*

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100501	ĐỖ TRỌNG TẤN	Nam	19/04/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
2	61100502	NGUYỄN NAM THÁI	Nam	25/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61100507	NGUYỄN VIỆT THÀNH	Nam	20/02/2011	THCS Phương Cường Xá	0	0
4	61100509	PHẠM QUANG THÀNH	Nam	13/01/2011	TH&THCS Thái Hồng	0	0
5	61100511	ĐỒNG THANH THẢO	Nữ	14/07/2011	THCS Vũ Thư	0	0
6	61100519	TRẦN BẢO THẮNG	Nam	01/12/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61100521	TRẦN THỊ KHÁNH THI	Nữ	03/11/2011	THCS Vũ Thư	0	0
8	61100522	DƯƠNG THÁI THIÊN	Nam	27/05/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
9	61100523	HOÀNG NHÂN THIÊN	Nam	22/09/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
10	61100524	TIỀN ỨNG THIÊN	Nam	25/02/2011	THCS An Ninh	0	0
11	61100526	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	11/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61100527	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	18/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61100528	ĐẶNG DIỆU THU	Nữ	07/08/2011	Trung Học Cơ Sở Phong Huy Lĩnh	0	0
14	61100533	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	Nữ	09/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61100539	BÙI MINH THỨ	Nữ	19/12/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
16	61100543	PHẠM AN THỨ	Nữ	01/07/2011	THCS Vũ Thư	0	0
17	61100545	ĐINH THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	25/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
18	61100546	ĐINH TRẦN HOÀI THƯƠNG	Nữ	20/08/2011	TH&THCS Thái Hưng	0	0
19	61100551	NGUYỄN DŨNG TIÊN	Nam	05/08/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0

*Danh sách gồm: 19 thí sinh.*

*Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6120  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

*(Môn thi: Toán học chuyên)*

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100552	VŨ ANH TIỀN	Nam	09/04/2011	Trường THCS Minh Lăng	0	0
2	61100556	HOÀNG THỊ MINH TRANG	Nữ	14/03/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
3	61100566	HOÀNG NHÂN TRÍ	Nam	22/09/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
4	61100567	PHẠM MINH TRÍ	Nam	27/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
5	61100579	HOÀNG QUỐC TRUNG	Nam	26/10/2011	THCS Tây Sơn	0	0
6	61100580	NGUYỄN BẢO TRUNG	Nam	08/03/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
7	61100582	NGUYỄN NGỌC TRUNG	Nam	30/01/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
8	61100584	PHẠM TRẦN TRUNG	Nam	19/01/2011	THCS Vũ Thư	0	0
9	61100587	NGUYỄN ĐÌNH TỬ	Nam	07/04/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
10	61100589	PHAN ANH TỬ	Nam	27/12/2011	Trường THCS Vũ Chính	0	0
11	61100591	PHẠM MẠNH TUẤN	Nam	09/01/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
12	61100594	BÙI VIỆT TÙNG	Nam	03/06/2011	THCS Vũ Thư	0	0
13	61100606	NGUYỄN THANH VÂN	Nữ	09/06/2011	THCS Tây Sơn	0	0
14	61100607	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	09/04/2011	TH và THCS Quỳnh Hoa	0	0
15	61100612	ĐÀO LÊ THỂ VINH	Nam	21/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
16	61100615	TRẦN QUANG VINH	Nam	05/07/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0,5
17	61100622	NGUYỄN HOÀNG VY	Nữ	01/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
18	61100626	TRỊNH TUỒNG VY	Nữ	11/05/2011	TH và THCS Song An	0	0
19	61100627	KHIẾU DUỆ VỸ	Nữ	21/06/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0

*Danh sách gồm: 19 thí sinh.*

*Hung Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

